

COMPARISON THE PHENOMENON OF CO-EXISTENCE OF MODAL PARTICLE IN CHINESE AND VIETNAMESE

Luu Thi Lan Huong*, Vu Thi Huyen Trang

TNU - School of Foreign Languages

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	03/5/2021	In Chinese and Vietnamese, the modal particle is a special word that usually stands at the end of a sentence and has a lot of quantity, the usage in a sentence is very flexible. In particular, the phenomenon of inter-use of this type of words in Chinese and Vietnamese is very complex. There are many similarities and differences between the two languages. The article has carried out the statistics, analysis and comparison in terms of grammatical aspects of the phenomenon of conjugation using of the modal particle to find the similarities and differences between these two languages. The results shown in the article are useful references, helping learners and researchers to distinguish the similarities and differences in grammatical aspects of the phenomenon of association using these words in Chinese and Chinese. Through that, it can improve the understanding and see the grammatical richness of these two languages.
Revised:	26/5/2021	
Published:	01/6/2021	
KEYWORDS		
Modal particle		
Co-existence		
Grammar		
Chinese		
Vietnamese		

SO SÁNH HIỆN TƯỢNG LIÊN DỪNG CỦA TRỢ TỪ NGỮ KHÍ TRONG TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT

Luu Thi Lan Huong*, Vu Thi Huyen Trang

Trường Ngoại ngữ - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	03/5/2021	Trong tiếng Hán và tiếng Việt trợ từ ngữ khí là từ loại đặc biệt thường đứng ở vị trí cuối câu, có số lượng rất nhiều và cách dùng trong câu rất linh hoạt. Đặc biệt hiện tượng liên dùng của loại từ này trong tiếng Hán và tiếng Việt rất phong phú và phức tạp, giữa hai ngôn ngữ tồn tại nhiều điểm tương đồng và khác biệt. Bài viết đã tiến hành thống kê, phân tích, so sánh về phương diện ngữ pháp của hiện tượng liên dùng trợ từ ngữ khí để tìm ra điểm giống nhau và khác nhau giữa hai ngôn ngữ này. Kết quả thể hiện trong bài viết là tài liệu tham khảo hữu ích, giúp cho người học và người nghiên cứu phân biệt rõ sự giống nhau và khác nhau về phương diện ngữ pháp của hiện tượng liên dùng loại từ này trong tiếng Hán và tiếng Việt, thông qua đó nâng cao được sự hiểu biết và thấy được sự phong phú về ngữ pháp của hai ngôn ngữ này.
Ngày hoàn thiện:	26/5/2021	
Ngày đăng:	01/6/2021	
TỪ KHÓA		
Trợ từ ngữ khí		
Liên dùng		
Ngữ pháp		
Tiếng Hán		
Tiếng Việt		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4447>

* Corresponding author. Email: vuhuyentrang.sfl@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong tiếng Hán hiện đại trợ từ ngữ khí xuất hiện với tần suất tương đối nhiều, đặc biệt trong giao tiếp khẩu ngữ loại từ này được dùng rất đa dạng. Do vậy, giới nghiên cứu ngữ pháp tiếng Hán hiện đại đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của loại từ này trong hệ thống từ loại tiếng Hán.

Tác giả Phương Mai (方梅) đã tiến hành nghiên cứu rất tỉ mỉ về chức năng từ loại của trợ từ ngữ khí trong câu, ông cho rằng “trên thực tế trợ từ ngữ khí có chức năng thứ yếu phản ánh nội dung thông tin, đồng thời là tiêu chí quan trọng để phân hóa thông tin của câu là kết cấu chủ ngữ- vị ngữ” [1]. Tác giả Tế Lô Dương (济泸杨) đã phân trợ từ ngữ khí làm 4 loại và cho rằng “trợ từ ngữ khí thường dùng ở cuối câu và biểu thị một loại ngữ khí nào đó, cùng một loại ngữ khí có thể do nhiều trợ từ ngữ khí biểu thị, một trợ từ ngữ khí có thể biểu đạt nhiều loại ngữ khí” [2].

Trợ từ ngữ khí trong tiếng Việt rất đa dạng và phong phú, vì vậy có nhiều học giả quan tâm nghiên cứu về loại từ này, tiêu biểu là Phạm Hùng Việt đã có nghiên cứu toàn diện về trợ từ này. Tác giả cho rằng trợ từ ngữ khí trong câu tiếng Việt có chức năng biểu thị tình cảm và mục đích, đồng thời tác giả đã khái quát định nghĩa về trợ từ ngữ khí và liệt kê ra trong tiếng Việt có 104 trợ từ ngữ khí [3]. Nguyễn Văn Hiệp đã nghiên cứu rất cụ thể về trợ từ ngữ khí. Tác giả cho rằng trợ từ ngữ khí hay còn gọi là “tiểu từ tình thái” [4], dựa trên mục đích của người nói là căn cứ để thành lập các loại câu hoặc có tác dụng biểu thị mối quan hệ hay nội dung mệnh đề giữa người nói và người nghe [5].

Trợ từ ngữ khí thường được dùng một mình, nhưng đôi khi có hai hoặc ba trợ từ ngữ khí cùng xuất hiện trong câu, đây gọi là hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí [6]. Trợ từ ngữ khí sau khi liên dùng có đặc điểm ngữ pháp tương đối phức tạp [7]. Thông qua quá trình thống kê và nghiên cứu, chúng tôi thấy đã có một số tác giả nghiên cứu so sánh về trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt nhưng đặc biệt nghiên cứu so sánh về hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí giữa hai ngôn ngữ này vẫn chưa có hoặc tác giả chỉ đề cập đến mà không đi sâu phân tích nghiên cứu. Trong quá trình sử dụng và nghiên cứu về sự liên dùng của loại từ này trong tiếng Hán và tiếng Việt, chúng tôi thấy rằng giữa chúng có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng tồn tại nhiều điểm khác biệt như: trong tiếng Việt có hiện tượng bốn trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau (ấy thế cơ à, ấy vậy cơ à...) hoặc là hai trợ từ ngữ khí liên dùng có thể đảo ngược vị trí cho nhau (thôi đấy- đấy thôi...) nhưng trong tiếng Hán lại không có hiện tượng này. Vì vậy, bài viết thông qua phân tích so sánh hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt trên phương diện ngữ pháp để tìm ra điểm giống nhau và khác nhau giữa hai ngôn ngữ, đồng thời thông qua nghiên cứu góp phần nâng cao sự hiểu biết của bản thân cũng như góp thêm tài liệu nghiên cứu cho công việc giảng dạy và học tập tiếng Hán tại Việt Nam.

Ngữ liệu của bài viết chủ yếu sưu tầm từ kho ngữ liệu của trường Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, kho ngữ liệu trung tâm từ điển Việt Nam và một số câu dùng trong khẩu ngữ giao tiếp.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết là kết quả nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp phân tích, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh. Trên cơ sở phân tích nghiên cứu của các học giả đi trước về hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt để phân loại cụ thể về loại từ này; đồng thời, tiến hành thu thập, thống kê, phân loại các tổ hợp của hiện tượng liên dùng trợ từ ngữ khí. Tiếp đó, bài viết dựa vào kết quả thống kê này để khảo sát và phân tích sự xuất hiện của từ loại này trong câu về phương diện ngữ pháp. Sau cùng, bài viết kết nối các kết quả nghiên cứu để tiến hành so sánh tìm ra đặc điểm giống nhau và khác nhau về phương diện ngữ pháp của hiện tượng liên dùng trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt, góp thêm tài liệu nghiên cứu hữu ích cho công việc giảng dạy và học tập tiếng Hán tại Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Sơ lược về hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán

Trong tiếng Hán số lượng trợ từ ngữ khí tương đối nhiều nhưng điển hình và sử dụng với tần suất cao là 6 trợ từ ngữ khí “吧, 了, 吗, 的, 啊, 呢”, do đó bài viết sẽ tiến hành nghiên cứu hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán xoay quanh 6 từ này.

Trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán không chỉ đơn dùng nhiều mà hiện tượng liên dùng cũng rất phổ biến. Chu Đức Hy (朱德熙) đề cập đến hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán, tác giả đã phân tích rõ về sự phân tầng của tổ hợp này và phân trợ từ ngữ khí làm 3 nhóm: nhóm 1 biểu thị thời thái gồm “了, 呢₁”; nhóm 2 biểu thị nghi vấn hoặc mệnh lệnh gồm “呢₂, 吗, 吧₁, 吧₂”; nhóm 3 biểu thị thái độ hoặc tình cảm của người nói gồm “啊, 呢₃”[8].

Tác giả Đinh Hằng Thuận (丁恒顺) cho rằng 6 trợ từ ngữ khí điển hình này có thể phân làm 5 nhóm đồng thời liệt kê ra thứ tự tổ hợp và ngữ nghĩa những nhóm tổ hợp này biểu đạt [9].

Bài viết căn cứ vào phân loại của tác giả Đinh Hằng Thuận để phân 6 trợ từ ngữ khí này thành 5 loại như sau: loại a: “的”, loại b: “了”, loại c: “呢”, loại d: “吗” (么), “吧”, loại e: “啊”.

Thông qua kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước và phân tích nghiên cứu của bản thân chúng tôi thấy rằng 5 loại tổ hợp này có quy luật liên dùng nhất định và tuân theo trật tự là a+b+c+d+e, ở giữa trật tự này có thể khuyết thiếu và không thể đảo ngược trật tự, do vậy bài viết đã thu được 14 loại tổ hợp liên dùng như bảng 1.

Bảng 1. Thống kê tổ hợp liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán

Hai trợ từ ngữ khí liên dùng		Ba trợ từ ngữ khí liên dùng	
Trật tự	Tổ hợp liên dùng	Trật tự	Tổ hợp liên dùng
a+b	的了	a+b+d	的了吗, 的了吧
a+c	的呢	a+b+e	的了啊
a+d	的吗 (么), 的吧	a+c+e	的呢啊
a+e	的啊	b+c+e	了呢啊
b+c	了呢		
b+d	了吗 (么), 了吧		
b+e	的啊		
c+d	呢吗, 呢吧		
c+e	呢啊		
d+e	么啊		

Trong tiếng Hán các trợ từ ngữ khí liên dùng thường đứng ở cuối câu, đa số là liên dùng của 2 trợ từ ngữ khí, 3 trợ từ ngữ khí liên dùng số lượng ít hơn.

3.2. Sơ lược hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Việt

Cũng giống như tiếng Hán, tiếng Việt có hiện tượng liên dùng của 2 hoặc 3 trợ từ ngữ khí kết hợp với nhau tạo thành tổ hợp liên dùng của trợ từ ngữ khí biểu thị một loại ngữ khí nào đó. Trong tiếng Việt số lượng trợ từ ngữ khí tương đối nhiều nhưng thường dùng là 22 trợ từ, mỗi một trợ từ ngữ khí đều có thể kết hợp với trợ từ khác, vì thế hiện tượng liên dùng trợ từ ngữ khí trong tiếng Việt rất phong phú và phức tạp. Nguyễn Văn Hiệp cũng đề cập đến hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Việt, ông cho rằng “vị trí trợ từ ngữ khí liên dùng tuân theo qui luật nhất định” [10]. Bài viết dựa trên nghiên cứu của tác giả Phan Mạnh Hùng về hiện tượng liên dùng của 22 trợ từ này và phân chia làm 3 loại dưới đây [11]:

Loại a: Tổ hợp liên dùng trợ từ ngữ khí ở vị trí trước gồm “thế, ấy, với”.

Loại b: Gồm liên dùng với loại a đứng vị trí sau và liên dùng với loại c đứng vị trí trước bao gồm các trợ từ ngữ khí “đây, đấy, kia (ơ), chứ, đâu, thôi, đi, đã, á, vậy”.

Loại c: tổ hợp liên dùng đứng vị trí sau bao gồm “à, nhi, nhé, à, ư, hả, nào, mà, này”.

Ba loại này liên dùng kết hợp với nhau theo một quy luật nhất định và theo thứ tự $a+b+c$, ở giữa có thể khuyết thiếu. Thông qua khảo sát ngữ liệu chúng tôi thống kê được trong tiếng Việt có 6 loại tổ hợp liên dùng của trợ từ ngữ khí như bảng 2.

Bảng 2. Thống kê tổ hợp liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Việt

Hai trợ từ ngữ khí liên dùng	
a+b	Ấy đây, ấy kia, ấy chứ, ấy đây, ấy thôi, ấy cơ, thế đây, thế kia, thế chứ, thế thôi, thế á, với đây, với đây, với kia, với chứ, với đi, với đã.
a+c	Ấy ă, ấy nhĩ, ấy nhế, ấy à, ấy ư, ấy nhĩ, ấy hả, ấy mà, ấy chắc, ấy này, thế ă, thế nhĩ, thế à, thế hả, thế ư, thế này, với ă, với nhĩ, với nhế, với này, với nào, với mà.
b+b	Đây đây, đây đã, đây vậy, đây chứ, đây thôi, đây kia, đâu đây, đâu chứ, thôi đây, thôi chứ, thôi đâu, thôi đã, thôi á, thôi vậy, đi đây, đi kia, đi chứ, đi thôi, đi đã, đi á, đi vậy, đã đây, đã chứ, đã á, đã vậy, vậy đây.
b+c	Đây ă, đây nhĩ, đây nhế, đây à, đây ư, đây hả, đây nào, đây mà, đây này, đây ă, đây nhĩ, đây nhế, đây à, đây ư, đây hả, đây mà, kia ă, kia nhĩ, kia nhế, kia à, kia ư, kia hả, kia nào, kia mà, kia này, chứ ă, chứ nhĩ, chứ à, chứ hả, chứ nào, chứ mà, chứ này, đâu ă, đâu nhĩ, đâu nhế, đâu hả, đâu nào, đâu mà, thôi ă, thôi nhĩ, thôi nhế, thôi à, thôi ư, thôi hả, thôi nào, thôi mà, thôi này, đi ă, đi nhĩ, đi nhế, đi à, đi ư, đi hả, đi nào, đi mà, đi này, đã ă, đã nhĩ, đã nhế, đã à, đã hả, đã nào, đã mà, đã này, á ă, á hả, vậy ă, vậy nhĩ, vậy nhế, vậy à, vậy ư, vậy hả, vậy nào, vậy mà, cơ ă, cơ nhĩ, cơ nhế, cơ à, cơ ư, cơ hả, cơ mà, cơ này.
Ba trợ từ ngữ khí liên dùng	
a+b+c	Thế đây ă, thế kia ă, thế kia à, thế cơ ă, thế cơ à, thế cơ mà, với đây nhế, với chứ ă, với chứ nhĩ, với đi nào, với đi mà, với đã ă, với đã nhế, với đã nào, với đã mà, với đã này.
b+b+c	Đây chứ nhĩ, đâu đây nhế, thôi đây ă, thôi đây nhế, thôi vậy nhĩ, đi chứ nhĩ, đi thôi ă, đi đã nhế
Bốn trợ từ ngữ khí liên dùng	
Ấy thế cơ mà, ấy vậy cơ mà, ấy thế cơ à, ấy vậy cơ à, ấy rồi đây nhế, ấy rồi đây nhĩ, đâu đây ă nhĩ	

Thông qua khảo sát và thống kê chúng tôi thấy rằng số lượng các trợ từ ngữ khí liên dùng trong tiếng Việt tương đối nhiều từ 22 trợ từ ngữ khí đơn dùng đã kết hợp với nhau tạo thành 220 tổ hợp. Trong đó, có cả hiện tượng 2, 3 và 4 trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau, tuy nhiên số lượng 2 trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau chiếm số lượng lớn. Trợ từ ngữ khí liên dùng trong tiếng Việt cũng tuân theo trật tự quy luật nhất định và vị trí trong câu rất linh hoạt.

3.3. So sánh về phương diện ngữ pháp của hiện tượng liên dùng trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt

3.3.1. Đặc điểm giống nhau về phương diện ngữ pháp của hiện tượng liên dùng trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt

Hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt rất phổ biến. Thông qua khảo sát trật tự liên dùng của các trợ từ ngữ khí chúng ta có thể thấy trợ từ ngữ khí liên dùng trong tiếng Hán và tiếng Việt có những đặc điểm tương đồng sau:

Thứ nhất, từ trật tự liên dùng của trợ từ ngữ khí chúng ta có thể thấy hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có quy luật nhất định. Trong tiếng Hán 6 trợ từ ngữ khí điển hình liên dùng đều theo trật tự nhất định là $a+b+c+d+e$. Trong tiếng Việt các trật tự liên dùng đều tuân thủ theo quy luật nhất định là $a+b+c$, ngoại trừ các tổ hợp liên dùng “đã đi - đi đã, đã đây - đây đã, đây thôi - thôi đây, thôi vậy - vậy thôi...” trong loại b thì các tổ hợp liên dùng này có thể đảo ngược vị trí.

Thứ hai, trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có hiện tượng liên dùng của hai và ba trợ từ ngữ khí, trong đó hai trợ từ ngữ khí liên dùng nhiều hơn ba từ. Các trợ từ ngữ khí liên dùng này thường đứng ở cuối câu đơn hoặc cuối phân câu câu phức. Ví dụ:

(1) 爸, 您是逗我玩呢吧。

(2) Con gái bác đây ă?

(3) 我忽然感到, 在他的记、目中, 我也该算是已经老化和过时的了吧?

(4) Bạn mà như vậy, tôi không giúp bạn đâu đấy nhé.

Trong ví dụ (1) và (2) trợ từ ngữ khí liên dùng “呢吧”, “ đấy à” ở cuối câu do 2 trợ từ ngữ khí kết hợp với nhau, đứng ở cuối câu đơn. Ví dụ (3) và (4) trợ từ “的吧”, “đâu đấy nhé” đứng ở cuối câu phức do 3 trợ từ ngữ khí kết hợp với nhau tạo thành.

Thứ ba, trợ từ ngữ khí liên dùng trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có thể xuất hiện trong câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán.

(5) 为了事业, 为了T台, 我既然可不顾母亲的病, 想想也真够狠心的了。

(6) Dạ thưa anh, anh Lâm đây cũng là một nhà văn rất hay đấy ạ.

(7) 现在家里真的不再支持自己到光荣院里工作了吗?

(8) Đi thôi chứ?

(9) 这是人民群众表达感情的特殊方式, 它是比金子还要珍贵的啊!

(10) Đẹp quá đi chứ!

(11) 我看您还是把那篇背时文章收回了吧。

(12) Con cứ chú tâm vào học hành đi nhé.

Trong ví dụ (5), (6) trợ từ ngữ khí liên dùng “的吧” và “đấy ạ” dùng trong câu trần thuật. Trợ từ ngữ khí liên dùng “了吗” và “thôi chứ” dùng trong câu nghi vấn ở ví dụ (7), (8). Trong ví dụ (9) và (10) trợ từ ngữ khí liên dùng “的啊” và “đi chứ” dùng trong câu cảm thán. Trong ví dụ (11) và (12) trợ từ ngữ khí liên dùng “了吧” và “đi nhé” dùng trong câu cầu khiến.

Thứ tư, liên dùng trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có hiện tượng phân tầng rõ ràng, cả tổ hợp liên dùng của hai hoặc ba trợ từ ngữ khí đều có hiện tượng này. Ví dụ:

(13) Xin lỗi anh đặt phòng bao nhiêu vậy ạ?

Tầng 1: Xin lỗi anh đặt phòng bao nhiêu + vậy

Tầng 2: Xin lỗi anh đặt phòng bao nhiêu vậy + ạ

Trong ví dụ (13) ở tầng 1, nội dung câu thêm trợ từ ngữ khí “vậy” biểu thị ngữ nghĩa của trợ từ ngữ khí là hỏi, đến tầng thứ 2 toàn câu thêm trợ từ ngữ khí “ạ” biểu thị thái độ thân mật lịch sự của người nói.

(14) 我还以为你刚才已经给过钱了昵。

Tầng 1: 我还以为你刚才已经给过钱 + 了

Tầng 2: 我还以为你刚才已经给过钱了 + 昵

Trong ví dụ (14) có 2 trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau “了呢”, trợ từ ngữ khí “了” ở tầng thứ 1 biểu thị ngữ khí sự việc đã kết thúc, trợ từ ngữ khí “昵” trong tầng thứ 2 biểu thị ngữ khí không nên hoài nghi.

Thứ năm, từ góc độ ngữ nghĩa, trợ từ ngữ khí liên dùng trong tiếng Hán và tiếng Việt đều giữ nguyên ngữ nghĩa ban đầu. Ví dụ:

(15) Lần này là thật chứ hả anh Lộc?

(16) 噢, 李缅甸还没给你介绍我是谁呢吧?

Trong ví dụ (15), (16) các trợ từ ngữ khí “chứ, hả, 呢, 吧” dùng trong tổ hợp liên dùng đều giữ nguyên ngữ khí của ngữ nghĩa ban đầu. Trợ từ ngữ khí “chứ, hả” biểu thị ngữ khí nửa tin nửa ngờ và nhấn mạnh ngữ khí nghi vấn. Trợ từ ngữ khí “呢” và “吧” biểu thị ngữ khí khoa trương và nửa tin nửa ngờ. Nhưng sau khi các trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau thì ngữ nghĩa biểu đạt sẽ yếu hơn so với ngữ nghĩa ban đầu chưa có hiện tượng liên dùng.

3.3.2. Đặc điểm khác nhau về phương diện ngữ pháp của hiện tượng liên dùng trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt

Hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt mặc dù có nhiều điểm tương đồng nhưng vẫn tồn tại một số điểm khác biệt dưới đây:

Thứ nhất, trong tiếng Việt có hiện tượng 4 trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau nhưng trong tiếng Hán không có hiện tượng này. Tiếng Việt có hiện tượng liên dùng của hai hoặc ba trợ từ ngữ khí là phổ biến nhất nhưng ngẫu nhiên xuất hiện hiện tượng bốn trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau như “ây thế cơ à, ây vậy cơ à, ây rồi đấy nhé, ây rồi đấy nhỉ, ây thế cơ mà, đâu đấy ây nhỉ”. Ví dụ:

(17) Cái cuốn sách của tôi đâu đấy ây nhỉ?

Thứ hai, trợ từ ngữ khí trong tiếng Việt sau khi liên dùng thì vị trí giữa chúng có thể đảo ngược, ngược lại tiếng Hán không có hiện tượng này. Tiếng Việt có một số trợ từ ngữ khí loại b sau khi liên dùng vị trí của hai trợ từ ngữ khí có thể đảo ngược lại tạo thành tổ hợp liên dùng mới, ngữ nghĩa của chúng cũng thay đổi, biểu thị ngữ khí không giống nhau. Thông qua khảo sát ngữ liệu chúng tôi tìm được các trợ từ ngữ khí có thể tham gia vào hiện tượng này là “đã đi-đi đã, thôi vậy-vậy thôi, thôi chứ-chứ thôi, đây thôi-thôi đây, đã đây-đây đã, đây thôi-thôi đây”. Ví dụ:

(18) Kết quả buổi họp hôm qua chẳng phải tôi đã nói với cậu rồi đấy thôi.

(19) Tôi không có nhiều thời gian, hồi trong vòng 10 phút thôi đấy.

Ví dụ (18) là câu trần thuật, “đấy” và “thôi” kết hợp với nhau biểu thị ngữ khí hòa dịu nhấn mạnh người nói đã thực hiện sự việc rồi. Ví dụ (19) là câu cầu khiến, “đấy thôi” đảo ngược vị trí thành “thôi đấy” nên ngữ nghĩa của câu cũng thay đổi, người nói dùng “thôi đấy” để biểu thị ngữ khí uyển chuyển nhấn mạnh một yêu cầu nào đó.

Thứ ba, trong tiếng Hán và tiếng Việt trợ từ ngữ khí sau khi liên dùng thường đứng ở vị trí cuối câu đơn hoặc cuối phân câu trong câu phức. Ngoài ra, trong tiếng Việt trợ từ ngữ khí sau khi liên dùng có thể đứng ở vị trí đầu câu hoặc tạo thành câu độc lập mà trong tiếng Hán không có vị trí này. Ví dụ:

(20) Đấy nhé, tuần sau em Dương lấy chồng rồi đấy nhé!

(21) Con đã làm vỡ bình hoa phải không? Đâu ạ.

Trong ví dụ (20) trợ từ ngữ khí “đấy” kết hợp với “nhé” tạo thành tổ hợp trợ từ ngữ khí liên dùng “đấy nhé” đứng đầu câu. Ví dụ (21) trợ từ ngữ khí “đâu” kết hợp với “ạ” tạo thành tổ hợp “đâu ạ” đứng độc lập tạo thành câu độc lập để trả lời câu hỏi của người nói.

Thứ tư, trong tiếng Hán giữa các trợ từ ngữ khí liên dùng không thể thêm bất cứ từ ngữ nào ở giữa, ngược lại trong tiếng Việt có thể thêm từ ngữ chỉ người ngôi thứ hai ở giữa các trợ từ ngữ khí liên dùng hoặc xuất hiện ở sau tổ hợp liên dùng này, nhưng tuyệt đối không thể xuất hiện ở vị trí trước tổ hợp liên dùng này. Ví dụ:

(22) Vâng, thế con chỉ đứng ở cổng chờ cậu thôi mẹ nhé!

(22) Không, chỉ mưa bụi đấy thôi cậu ạ, nhưng vì tôi đi xa quá nên mới ướt hết cả.

(23) Em mới về, hơi mệt đấy thôi chị.

(24) Nhà con chỉ cảm xoàng đấy thôi mà mẹ, không can gì.

Trong tiếng Việt bất kì là hai hay ba trợ từ ngữ khí liên dùng có thể kết hợp với từ chỉ người ở ngôi thứ 2, từ chỉ người ở ngôi thứ 2 là “mẹ, cậu” đứng giữa tổ hợp trợ từ ngữ khí liên dùng “thôi nhé, đấy thôi ạ” như trong ví dụ (21) và (22), từ chỉ người ngôi thứ 2 là “chị, mẹ” đứng sau tổ hợp trợ từ ngữ khí liên dùng “đấy thôi, đấy thôi mà” như trong ví dụ (23) và (24).

Thứ năm, thông qua khảo sát ngữ liệu chúng tôi thấy rằng, trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán liên dùng không thể ngừng ngắt hoặc tách ra, trong khi đó tiếng Việt lại có hiện tượng này và trong văn viết thể hiện bằng dấu phẩy. Ví dụ:

Tổ hợp trợ từ ngữ khí “chứ nhỉ” ở giữa hai trợ từ này có ngừng ngắt hoặc không.

(25a) Đi thì đi cả, không thì thôi chứ nhỉ?

(25b) Đi thì đi cả, không thì thôi chứ, nhỉ?

Ngoài ra có thể thêm từ ngữ chỉ người ngôi thứ 2 ở giữa tổ hợp liên dùng này như ví dụ (26), (27):

(26) Đi đâu thế, hờ em?

(27) Ở trên đồi sau nhà có vô số cảnh khô cơ, mẹ ạ.

Thứ sáu, trong tiếng Hán và tiếng Việt trợ từ ngữ khí cùng biểu thị ngữ khí nghi vấn thì không thể liên dùng với nhau, chẳng hạn như trong tiếng Hán trợ từ ngữ khí “吧” và “吗” đều biểu thị

ngữ khí nghi vấn dùng trong câu hỏi nên không thể liên dùng với nhau, trong tiếng Việt có trợ từ ngữ khí “hả, ừ” và “ừ, sao” cũng không thể liên dùng với nhau.

Tuy nhiên, thông qua khảo sát và nghiên cứu chúng tôi thấy rằng ở đặc điểm này tiếng Việt có sự khác biệt so với tiếng Hán là trợ từ ngữ khí cùng biểu thị mệnh lệnh có thể cùng xuất hiện như trợ từ ngữ khí “đi, nào, với” có thể liên dùng tạo thành tổ hợp “đi với, với nào, đi nào, với đi”. Ví dụ:

(28) Giúp mình một tay với nào!

(29) Con không sớm đi đánh răng đi nào?

4. Kết luận

Trong tiếng Hán và tiếng Việt trợ từ ngữ khí đều được dùng với tần suất cao và sử dụng đa dạng trong câu, do đó sự liên dùng của trợ từ ngữ khí giữa hai ngôn ngữ này cũng rất phức tạp. Bài viết dựa trên phương diện ngữ pháp để tiến hành phân tích hiện tượng liên dùng của trợ từ ngữ khí trong tiếng Việt và tiếng Hán đã thấy rằng giữa hai ngôn ngữ có nhiều điểm tương đồng như: trật tự liên dùng giữa các trợ từ ngữ khí phải theo quy luật nhất định, đều có hiện tượng 2 hay 3 trợ từ ngữ khí liên dùng với nhau và thường đứng ở cuối câu hoặc cuối phân câu câu phức, có thể xuất hiện trong các loại hình câu, có hiện tượng phân tầng và giữ nguyên được ngữ nghĩa biểu đạt ban đầu. Tuy nhiên, hiện tượng liên dùng trong tiếng Hán và tiếng Việt cũng tồn tại rất nhiều điểm khác biệt như: tiếng Việt có hiện tượng đảo ngược vị trí; có 4 trợ từ ngữ khí liên dùng; có thể kết hợp với từ ngữ chỉ người ngôi thứ hai ở vị trí giữa hoặc phía sau tổ hợp liên dùng; có thể dùng ngắt giữa các trợ từ liên dùng (trong văn viết ngăn cách bằng dấu phẩy), tiếng Hán đều không có các đặc điểm này khi liên dùng các trợ từ ngữ khí với nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. Phuong, “A contrastive study on the function of modal particle in sentences,” *China Journal of language*, vol. 21, no. 2, p. 137, 2011.
- [2] L. D. Te, “Analyzing the function of the modal particle in the modality aspect,” *Namkinh University Journal*, vol. 32, no. 3, pp. 141-152, 2002.
- [3] H. V. Pham, *Modal particle in modern Vietnamese*. Vietnamese Social Science publishing House, 2003.
- [4] V. H. Nguyen, “Classified modal particle from the end of sentence,” *Vietnam Journal of language*, no. 5, pp. 54-63, 2001.
- [5] Q. B. Diep, *Vietnamese grammar*. Vietnamese Social Science publishing House, 2009.
- [6] C. T. Ly, “The phenomenon of co-existence of modal particle,” *China Journal of language*, vol. 32, no. 3, pp. 91-92, 2006.
- [7] T. P. Tran, “Analyzing the pragmatic function of the modal particle in Chinese questioning sentences,” *Trungbac University Journal*, vol. 21, no. 6, pp. 64-66, 2008.
- [8] D. H. Chu, *Study of grammar semantics*. Beijing University press, 1999.
- [9] H. T. Dinh, “On the phenomenon of co-existence of modal particle,” *Language research and teaching*, vol. 19, no. 3, pp. 34-40, 2001.
- [10] V. H. Nguyen, “Classify end-sentence modal particle in Vietnamese,” *Vietnam Journal of language*, no. 5, pp. 54-62, 2001.
- [11] H. V. Pham, “Some function features of modern Vietnamese modal particle,” Ph.D thesis, University of Social Sciences and Humanities - Hanoi National University, 2004.